

Số: 8908 /BTC-TCHQ
V/v thực hiện Thông tư
số 79/2009/TT-BTC.

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2009

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố

Ngày 20/04/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 79/2009/TT-BTC hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Để thống nhất thực hiện, Bộ Tài chính hướng dẫn thêm một số nội dung sau:

1. Về hồ sơ đối với hàng xuất khẩu:

Tại điểm b, khoản 1, Điều 11 hướng dẫn: Hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng hợp đồng: nộp 01 bản sao (trừ hàng hoá nêu tại khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều 6, Thông tư 79/2009/TT-BTC); hợp đồng uỷ thác xuất khẩu (nếu xuất khẩu uỷ thác): nộp 01 bản sao;

Nay hướng dẫn lại như sau: *Chỉ yêu cầu nộp bản sao hợp đồng bán chụp có chữ ký, dấu xác nhận của bản thân doanh nghiệp mua bán trong trường hợp lô hàng xuất khẩu có thuế.*

2. Về lưu ảnh hàng hoá nhập khẩu:

Tại khoản 7, Điều 15 hướng dẫn: Việc lưu ảnh của hàng hoá nhập khẩu do Lãnh đạo Chi cục Hải quan quyết định từng trường hợp cụ thể theo yêu cầu quản lý hải quan. Ảnh lưu phải ghi số tờ khai hải quan, có chữ ký và đóng dấu số hiệu của công chức hải quan và chữ ký của chủ hàng vào mặt sau của ảnh, lưu cùng hồ sơ hải quan.

Nay hướng dẫn lại như sau: *Việc lưu ảnh của hàng hoá nhập khẩu thực hiện như hướng dẫn tại khoản 7, Điều 15 nêu trên nhưng không yêu cầu chủ hàng phải ký vào mặt sau của ảnh.*

3. Về thủ tục nhập khẩu hàng hoá tạo tài sản cố định của doanh nghiệp chế xuất (DNCX):

Tại điểm a1, khoản 3, Điều 45 hướng dẫn: Đối với hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định, thủ tục hải quan thực hiện theo quy định đối với hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định miễn thuế tại điểm b, khoản 2, Điều 42, Thông tư 79/2009/TT-BTC.

Nay hướng dẫn thực hiện như sau: *Trên cơ sở văn bản đề nghị của giám đốc doanh nghiệp, kèm danh mục hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định (chi tiết mặt hàng, số lượng, chủng loại) làm thủ tục nhập khẩu theo quy định (không yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện các hướng dẫn tại Điều 101, 102 Thông tư 79/2009/TT-BTC).*

Để đảm bảo công tác quản lý, DNCX và Chi cục Hải quan quản lý DNCX phải thực hiện báo cáo, kiểm tra, quyết toán việc nhập khẩu hàng hoá tạo tài sản cố định như đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế hướng dẫn tại Điều 103, Thông tư 79/2009/TT-BTC.

4. Về hàng hoá nhập khẩu đưa vào kho ngoại quan trong khu công nghiệp:

Tại điểm a, khoản 1, Điều 55 hướng dẫn: Hàng hoá nhập khẩu đưa vào kho ngoại quan trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế đặc biệt khác ngoài khu vực cửa khẩu (gọi chung là khu công nghiệp) là hàng hoá để phục vụ hoạt động cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đó và các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, các doanh nghiệp chế xuất lân cận.

Hướng dẫn trên được hiểu là: hàng hoá nhập khẩu của doanh nghiệp trong khu công nghiệp và của các doanh nghiệp khu công nghiệp, DNCX lân cận ngoài khu công nghiệp chưa có kho ngoại quan (gồm cả doanh nghiệp của khu công nghiệp, DNCX của tỉnh, thành phố liền kề) được gửi hàng hoá vào kho quan trong khu công nghiệp, để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các doanh nghiệp này.

5. Về hàng hoá nhập khẩu đóng chung container với hàng hoá được phép chuyển cửa khẩu:

Tại khoản 3, Điều 57 hướng dẫn: Hàng hoá là thiết bị văn phòng của doanh nghiệp như bàn, ghế, tủ và văn phòng phẩm được đóng chung container với nguyên liệu nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp được đăng ký tờ khai hải quan tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu để làm thủ tục chuyển cửa khẩu.

Hàng hoá là thiết bị văn phòng của doanh nghiệp như bàn, ghế, tủ và văn phòng phẩm được đóng chung container nêu trên được hiểu là tài sản để phục vụ cho hoạt động của chính doanh nghiệp, thủ tục hải quan theo đúng loại hình quy định. Nếu hàng hoá thuộc diện phải kiểm tra thì việc kiểm tra thực tế hàng hoá được thực hiện tại địa điểm ghi trong đơn đề nghị chuyển cửa khẩu.

6. Về hàng nhập khẩu trên vận đơn ghi cảng đích là ICD:

Tại điểm a, khoản 5, Điều 57 hướng dẫn: Hàng hoá nhập khẩu có vận đơn ghi cảng đích là cảng nội địa (ICD) không được chuyển cửa khẩu về các địa điểm làm thủ tục hải quan, địa điểm kiểm tra thực tế hàng hoá ngoài cửa khẩu. Trừ các ICD thuộc Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực IV-Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép tại công văn số 7178/VPCP-KTTH ngày 24/10/2008 của Văn phòng Chính phủ.

Nay hướng dẫn thêm: Đối với hàng hoá nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất (DNCX); nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công có vận đơn ghi cảng đích là ICD thì doanh nghiệp được làm thủ tục chuyển cửa khẩu về Chi cục Hải quan quản lý DNCX, Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp đăng ký hợp đồng gia công để làm tiếp thủ tục hải quan. Đối với hàng hoá thuộc diện phải kiểm tra thực tế, nếu doanh nghiệp đề nghị được kiểm tra thực tế ngay tại ICD thì Chi cục Hải quan ICD tiến hành kiểm tra thực hàng

09617399

hoá theo đề nghị của Chi cục Hải quan quản lý DNCX, Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp đăng ký hợp đồng gia công.

7. Đối với hàng hoá nhập khẩu đưa vào kho ngoại quan tại ICD:

Tại điểm c, khoản 5, Điều 57 hướng dẫn: Hàng hoá nhập khẩu không thuộc quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3, Điều 18, Nghị định số 154/2005/NĐ-CP thì không được chuyển cửa khẩu về kho ngoại quan tại ICD.

Nay hướng dẫn lại như sau: Hàng hoá đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan (trừ hàng hoá quy định tại điểm a, b, c khoản 1, Điều 25, Nghị định 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ) trên vận đơn ghi “hàng hoá gửi kho ngoại quan”, mà kho ngoại quan đó nằm trong khu vực cảng nội địa (ICD) thì được chuyển cửa khẩu từ cửa khẩu nhập về kho ngoại quan ghi trên vận đơn.

8. Đối với hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu từ nước ngoài chờ đưa vào thị trường trong nước có vận đơn không thể hiện là “hàng gửi kho ngoại quan” mà doanh nghiệp có nhu cầu gửi kho ngoại quan thì:

Giao Cục trưởng Hải quan tỉnh, thành phố nơi có kho ngoại quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của chủ hàng, căn cứ nội dung trình bày của chủ hàng, tình hình thực tế và các thông tin có được liên quan đến từng lô hàng nhập khẩu cụ thể để quyết định việc cho phép gửi kho ngoại quan với điều kiện hàng hoá phải là nguyên liệu, vật tư, linh kiện để phục vụ sản xuất.

9. Đối với hàng hoá nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu niêm phong hải quan hướng dẫn tại khoản 4, Điều 57:

9.1. Đối với hàng hoá nhập khẩu được chuyển cửa khẩu thuộc diện phải kiểm tra thực tế nhưng không đáp ứng yêu cầu niêm phong hải quan:

- Việc xác định hàng hoá không đáp ứng yêu cầu niêm phong hải quan thuộc trách nhiệm của Doanh nghiệp và Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu.

- Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu ghi kết quả xác định nêu trên vào đơn chuyển cửa khẩu và đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu kiểm tra thực tế hàng hoá.

9.2. Đối với hàng hoá nhập khẩu được chuyển cửa khẩu thuộc diện phải kiểm tra thực tế nhưng không đáp ứng yêu cầu niêm phong hải quan (hàng siêu trường, siêu trọng, hàng có yêu cầu bảo quản đặc biệt...) và không thể thực hiện việc kiểm tra thực tế tại Chi cục Hải quan cửa khẩu:

- Việc xác định hàng hoá không đáp ứng yêu cầu niêm phong hải quan và không thể thực hiện việc kiểm tra thực tế tại Chi cục Hải quan cửa khẩu thuộc trách nhiệm của Doanh nghiệp và Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu.

- Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu ghi kết quả xác định nêu trên vào đơn chuyển cửa khẩu và đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập giao hàng hoá cho doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển về địa điểm kiểm tra ghi trong đơn đề nghị chuyển cửa khẩu và phải thông báo bằng văn bản cho Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu biết tình trạng hàng hoá vận chuyển không được niêm phong.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đảm bảo nguyên trạng hàng hoá và vận chuyển hàng hoá không được niêm phong hải quan về địa điểm quy định.

9.3. Căn cứ để xác định hàng hoá không đáp ứng yêu cầu niêm phong hải quan là: tên hàng, tính chất, chủng loại hàng hoá và quy cách đóng gói do doanh nghiệp khai trên tờ khai hải quan, vận tải đơn (B/L), phiếu đóng gói (P/L)...

10. Về niêm phong hàng nhập khẩu chuyên cửa khẩu hướng dẫn tại điểm c, khoản 6, Điều 57:

10.1. Đối với hàng nhập khẩu chuyên cửa khẩu thuộc diện được miễn kiểm tra thực tế hàng hoá thì không thực hiện niêm phong hải quan, thủ tục thông quan theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan.

Trường hợp hàng miễn kiểm tra thực tế nhưng có dấu hiệu vi phạm thì phải kiểm tra thực tế hàng hoá tại cửa khẩu nhập, thủ tục kiểm tra thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan.

10.2. Đối với hàng nhập khẩu chuyên cửa khẩu thuộc diện phải kiểm tra thực tế thì thực hiện niêm phong theo hướng dẫn tại điểm c, khoản 6, Điều 57, Thông tư 79/2009/TT-BTC (trừ các hàng hoá nêu tại điểm 9.2, 9.3 nêu trên).

11. Về việc tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối miễn thuế nhưng không phải đăng ký danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế:

Tại điểm a1, khoản 2, Điều 102 hướng dẫn: Người nộp thuế phải tự tính, khai số tiền thuế được miễn cho từng mặt hàng, tờ khai hải quan như đối với trường hợp phải nộp thuế...

Hướng dẫn trên không thực hiện đối với việc nhập khẩu nguyên liệu, vật tư và xuất khẩu sản phẩm thuộc loại hình gia công.

12. Về việc hoàn thuế đối với trường hợp XNK tại chỗ hướng dẫn tại điểm b.8, Khoản 5, Điều 112:

Hướng dẫn tại điểm b.8, Khoản 5, Điều 112 áp dụng đối với thuế nhập khẩu thu vào hàng hóa XNK tại chỗ. Do đó, nếu trường hợp cơ quan hải quan đã thu thuế nhập khẩu khi DN nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào Việt Nam và thu tiếp thuế nhập khẩu khi XNK tại chỗ thì được xét hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp khi làm thủ tục nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam.

13. Về xử lý hồ sơ hoàn thuế đối với trường hợp doanh nghiệp nợ chứng từ thanh toán hướng dẫn tại điểm d, Khoản 6, Điều 127:

Đề nghị phân biệt 02 trường hợp để xử lý:

- Nếu đã đến thời hạn phải thanh toán, doanh nghiệp đã nộp hồ sơ hoàn thuế nhưng doanh nghiệp chưa xuất trình được chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì căn cứ vào văn bản đề nghị của doanh nghiệp được hoàn thuế trước, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra theo điểm d khoản 6 Điều 127 Thông tư 79/2009/TT-BTC.

09617399

- Nếu chưa đến hạn phải thanh toán (được thoả thuận cụ thể trong hợp đồng) dẫn đến thời hạn phải nộp hồ sơ hoàn thuế và doanh nghiệp đã nộp hồ sơ hoàn thuế và chưa có chứng từ thanh toán do chưa đến hạn thanh toán thì thực hiện theo điểm d khoản 2 Điều 131.

14. Về việc đóng dấu thanh khoản và đóng dấu hoàn thuế trên tờ khai gốc hải quan khi thanh khoản:

Tại điểm d, khoản 2, Điều 35 hướng dẫn: Cơ quan Hải quan khi tiến hành thanh khoản phải đóng dấu "đã thanh khoản" trên tờ khai xuất khẩu, tờ khai nhập khẩu gốc lưu tại đơn vị và tờ khai hải quan gốc người khai hải quan lưu....

Tại điểm c, khoản 2, Điều 129 hướng dẫn: Đóng dấu hoàn thuế (không thu thuế) trên tờ hải quan gốc lưu tại doanh nghiệp tại lần làm thủ tục hoàn thuế (không thu thuế) cuối cùng.

Nay hướng dẫn thực hiện như sau:

- Đối với trường hợp thanh khoản nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để SXKK có thuế suất thuế nhập khẩu 0% thì cơ quan hải quan chỉ thực hiện đóng dấu "đã thanh khoản" theo hướng dẫn tại điểm d, khoản 2, Điều 35 nêu trên.

- Đối với trường hợp thanh khoản, hoàn thuế nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để SXKK thuộc loại có thuế thì cơ quan hải quan chỉ thực hiện đóng dấu "hoàn thuế (không thu thuế)" theo hướng dẫn tại điểm c, khoản 2, Điều 129 nêu trên (không thực hiện đóng dấu đã thanh khoản theo hướng dẫn tại điểm d, khoản 2, Điều 35).

Bộ Tài chính hướng dẫn đề Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện và thông báo đến các doanh nghiệp trên địa bàn phối hợp thực hiện. Trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc vượt thẩm quyền thì báo cáo Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan để được giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Vụ CST, Vụ Pháp chế (để thực hiện);
- Tổng cục Hải quan (để chỉ đạo);
- Lưu VT, TCHQ.(48)



**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

09617399

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com